

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản số: 19/2020/DS-ST
Ngày: 28 -9- 2020
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
dịch vụ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Đường

2. Ông Trần Văn Quý

- Thư ký Tòa án phiên tòa: Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồ Yến Lan – Kiểm sát viên

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 71/2020/TLST – DS ngày 19 tháng 6 năm 2020 về việc “tranh chấp hợp đồng giao khoán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST - DS ngày 25 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2020/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1976 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 2, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

*** Bị đơn:** Anh Hồ Lê Tuấn A, sinh năm: 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố A, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 6 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Tháng 3 năm 2020 giữa anh Nguyễn Ngọc T và anh Hồ Lê Tuấn A, đã xác lập giao dịch dân sự về dịch vụ đào ao. Qua đó anh T cung ứng dịch vụ máy móc, chi phí thực hiện thực hiện việc đào ao cho anh Tuấn Anh, phía anh Tuấn A trả chi phí thuê dịch vụ với số tiền 165.000.000 đồng. Đến ngày 06/3/2020 sau khi thực hiện xong dịch vụ đào ao, nghiệm thu công trình, anh Tuấn A đã thanh toán cho anh T được số tiền là 30.000.000 đồng, số tiền còn nợ lại theo hợp đồng là 135.000.000 đồng thỏa T thanh toán hết vào ngày 30/4/2020. Tuy nhiên, anh Tuấn A đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên anh T khởi kiện yêu cầu anh Tuấn A trả số tiền còn nợ là 135.000.000đ. Không yêu cầu về tiền lãi do chậm nghĩa vụ thanh toán.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/6/2020, anh T có yêu cầu ông Hồ Đình T và anh Tuấn A thanh toán số tiền còn lại nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, xét thấy khi giao kết hợp đồng thuê máy đào chỉ có một mình anh Tuấn A ký kết hợp đồng, việc thuê máy đào không liên quan đến ông T nên ngày 16/7/2020 anh T có đơn rút phần yêu cầu khởi kiện đối với ông T chỉ yêu cầu một mình anh Tuấn A phải có trách nhiệm trả số tiền còn lại cho anh.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Hồ Lê Tuấn A đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để anh Tuấn A thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nhưng anh Tuấn A vẫn vắng mặt không có lý do nên vụ án không có lời trình bày của anh Tuấn A

Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 04 tháng 8 năm 2020 người làm chứng bà Hồ Thị Nương trình bày:

Bà là cô ruột của anh Tuấn A, bà có biết việc anh Tuấn A có hợp đồng với ông T đào mương ao. Hiện tại, anh T đã thực hiện xong công việc theo hợp đồng nhưng anh Tuấn A chỉ thanh toán cho anh T được 30.000.000 đồng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án tuân thủ và chấp hành đúng quy định của pháp luật, có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Anh T yêu cầu anh Hồ Lê Tuấn A có nghĩa vụ trả cho anh T số tiền còn lại theo hợp đồng dịch vụ. Do đó, xác định đây là vụ án về “tranh chấp hợp đồng dịch vụ” được quy định tại Điều 513 Bộ luật dân sự 2015. Trong vụ án, bị đơn có nơi cư trú tại khu phố Sơn Long, phường Sơn Giang, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên căn cứ khoản 3, Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã T tập hợp lệ lần thứ hai đối với bị đơn anh Hồ Lê Tuấn A để tham gia phiên tòa nhưng anh Tuấn A vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Tuấn A.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 16/7/2020, nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc T có đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Hồ Đình T, xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và ông Hồ Đình T không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với ông Hồ Đình T.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Ông Tuấn A đã được Tòa án T tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc và không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

cũng như các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp; không cung cấp được các chứng cứ để chứng minh việc chấp nhận hay phản đối với yêu cầu của nguyên đơn; điều này cho thấy anh Tuấn A đã từ bỏ việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do vậy, theo quy định tại các Điều 91, 92, 93 Bộ luật tố tụng dân sự, các chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và các chứng cứ thu thập được xem là chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp.

[3.2] Xét hợp đồng dịch vụ ngày 06/3/2020, tại Điều 1 của hợp đồng các bên đã thỏa T: “ *Bên A – anh T điều động máy đến công trình và lo chi phí cho xe hoạt động theo yêu cầu của bên B – anh Tuấn Anh*” và tại Điều 3 Hợp đồng thỏa thuận: “*Hình thức thanh toán: Bên B nghiệm thu thực tế giá trị quy định thành tiền 165.000.000đ đã thanh toán số tiền tiền 30.000.000 đồng và còn lại 135.000.000 đồng hẹn ngày 30/4/2020 bên B trả hết cho bên A*”. Việc thỏa thuận giữa các bên tham gia giao dịch là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và không vi phạm quy định của pháp luật nên hợp đồng có hiệu lực và phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên. Anh T đã thực hiện xong dịch vụ nhưng anh Tuấn A đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán việc này cũng phù hợp lời khai của người làm chứng là bà Hồ Thị N (bút lục 18). Do vậy, Hội đồng xét xử xác định anh Tuấn A có giao kết hợp đồng dịch vụ đào ao với anh T như lời trình bày của anh T là đúng sự thật. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng nên anh T yêu cầu khởi kiện buộc anh Tuấn A phải thanh toán số tiền còn nợ 135.000.000đ là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 515 và điều 519 của Bộ luật dân sự.

[3.3]. Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3, Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 280; khoản 2 Điều 515 và điều 519 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Buộc bị đơn anh Hồ Lê Tuấn A có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc T số tiền 135.000.000 đồng (Một trăm ba mươi lăm T đồng).

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Hồ Đình T.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Hồ Lê Tuấn A phải chịu 6.750.000 đồng (sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá gạch .

Anh Nguyễn Ngọc T không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho anh T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 3.375.000 đồng (ba T ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) mà anh T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006860 ngày 18/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án (28/9/2020). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA, VKS tỉnh Bình Phước;
- CA, VKS TX. Phước Long;
- Chi cục THA TX Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu HS, TA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Thị Tịnh

